

**Cân kỹ thuật AND MC-A/MC-M**

Hãng sản xuất: AND NHẬT BẢN

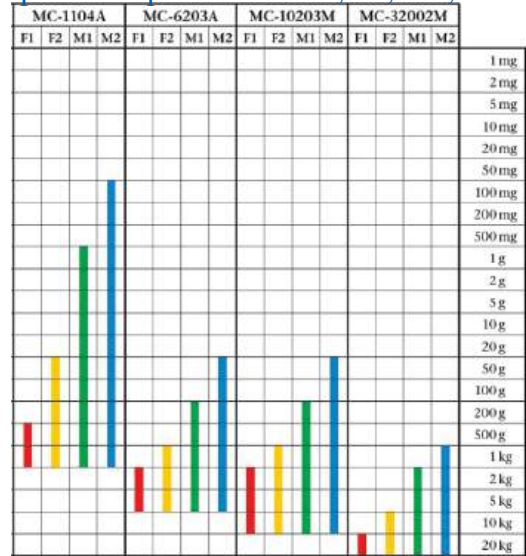
**MC-A/ MC-M**



- Đĩa cân tự định tâm (tùy chọn) đảm bảo độ chính xác ổn định
- Hiển thị thêm 1 số thập phân, theo dõi chính xác thay đổi khối lượng nhỏ
- ISD phát hiện va đập, cảnh báo và ghi log sự kiện
- Lưu giá trị bì trong bộ nhớ không mất dữ liệu
- AD-Just tự động hiệu chỉnh độ nhạy bằng quả cân nội
- UAC kiểm soát truy cập bằng mật khẩu
- Xuất dữ liệu chuẩn GLP / GMP / GCP / ISO
- UFC tùy chỉnh nội dung và định dạng in Xuất dữ liệu Gross / Net / Tare
- Bộ nhớ lưu dữ liệu cân và hiệu chuẩn
- Chế độ đếm với ACAI, Chế độ phần trăm (%) Cân động vật
- Thông kê dữ liệu (SCF)
- So sánh 5 mức có còi báo
- Tự động bật/tắt nguồn
- Móc cân dưới (Underhook)
- Chân cân điều chỉnh dễ dàng (MC-A)
- Chuẩn IP65 chống bụi nước (MC-M)



**Cân so sánh AND MC dùng để kiểm định quả cân cấp chính xác F1, F2, M1, M2.**



**Bảng thông số kỹ thuật cân:**



MODEL	MC-1104A	MC-6203A	MC-10203M	MC-32002M
Mức cân tối đa	1100 g	6200 g	10.2 kg	32.2 kg
Độ chia d	0.0001 g	0.001 g		0.01 g
Độ lặp lại	0.00035 g	0.0035 g (trên 2000 g); 0.0015 g (dưới 2000 g)		0.05 g (trên 20 kg); 0.015 g (dưới 20 kg)
Độ tuyến tính	±0.003 g	±0.03 g		±0.2 g
Độ trôi độ nhạy: khi tắt tự hiệu chuẩn, 10–30°C	±2 ppm/°C			±3 ppm/°C
Độ chính xác sau calip	±0.0100 g	±0.150 g		±1.50 g
Nhiệt độ hoạt động	5°C đến 40°C, độ ẩm dưới 85%, môi trường không ngưng tụ nước			
Đơn vị cân	g, kg, oz, lb, lb-oz, ozt, ct, mom, dwt, gr, pcs, %.			
Cổng giao tiếp	RS-232C (D-Sub 9 chân), USB (mini B)			
Kích thước đĩa cân	128 x 128 mm	165 x 165 mm	270 x 210 mm	
Kích thước cân WxDxH	(259 x 358 x 332) mm		(300 x 355 x 111) mm	
Trọng lượng cân	7 kg		9.3 kg	
Nguồn cung cấp	220-240VAC kèm sạc AC adapter / approx. 30 VA.			